TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2018/DS-PT
Ngày: 5-7-2018
V/v Tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28/6/2018, 05/7/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2017/TLPT-DS, ngày 08 tháng 12 năm 2017, về việc "Tranh chấp về dân sự ranh giới quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2018/QĐ-PT, ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Thành T, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số 26, ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bùi Thành T: Ông Đặng Hồng Đ là luật sư – Văn phòng luật sư Hồng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Số 27, ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1Chị Đặng Thị Cẩm H, sinh năm 1978 (vợ anh T)

Địa chỉ: Số 26, ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện L, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đặng Thị Cẩm H: Anh Bùi Thành T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 26, ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2016) (có mặt).

3.2 Bà Võ Thị B, sinh năm 1961 (vợ ông U) (có mặt);

3.3 Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1984 (con ông U);

3.4 Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1989 (con ông U);

3.5 Chị Trần Thị M, sinh năm 1990 (con dâu ông U);

3.6 Chị Phạm Thị D, sinh năm 1991 (con dâu ông U);

Cùng địa chỉ: Số 27, ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.7 Chị Nguyễn Tuyết H1, sinh năm 1986 (con ông U);

Địa chỉ: Số 431/2, ấp Hòa N, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8 Chị Nguyễn Tuyết S, sinh năm 1986 (con ông U);

Địa chỉ: Số 86, ấp H, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9 Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1976.

3.10 Chị Lê Thị T3, sinh năm 1976.

3.11 Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Thanh T1, Tuyết S, Minh C, M, Di, T2, T3, H1 là ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 27, ấp Hưng Mỹ T, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Tháp(có mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Bùi Thành T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bùi Thành T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị H trình bày:

Ngày 20/4/2005 hộ anh Bùi Thành T được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp quyền sử dụng đất thửa 5b, tờ bản đồ số 03a, diện tích 1000m^2. Thửa đất 5b, 5a do anh T đứng tên quyền sử dụng giáp ranh với các thửa đất 6b tờ bản đồ 03a và thửa số 6, 7, 8, 548 cùng tờ bản đồ số 04 do hộ ông Nguyễn Văn U đứng

tên quyền sử dụng đất. Các thửa đất trên đều tọa lạc tại ấp Hưng Mỹ Tây, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

Phần đất anh Trung tranh chấp với ông U là con mương dẫn nước và lối đi vào nhà ông U hiện nay. Anh T cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc do ông nội của anh T là ông Đ đào trước năm 1975 để làm mương nước tưới tiêu cho vườn cam trên đất của anh T hiện nay, lúc đó ông U chưa sử dụng con mương này để dẫn nước vào ruộng của ông U và chưa có lối đi vào nhà ông U cạnh con mương như hiện nay vì thời điểm đó ông U chưa sử dụng các thửa đất 6b, 6, 7, 8 và 548. Vào khoảng năm 1999- 2000 xáng múc dọc bờ sông Nước Xoáy, Nhà nước vận động đặt cống lắp mương trên tuyến lộ để giao thông thuận lợi. Thời điểm này ông U hỏi ba anh Trung là ông Bùi Văn Hạnh cho ông Út được đặt cống trên phần mương này phía giáp với sông Nước Xoáy để dẫn nước vào ruộng của ông U và được ba anh T đồng ý, khi đó ông U tự ý san lấp một phần con mương để làm lối đi. Tháng 11/2000 thì ba anh T chết, anh T vẫn cho ông U sử dụng lối đi và con mương để dẫn nước vào ruộng như trên, khoảng năm 2013 ông U đồng ý để hộ anh Nguyễn Văn T2, chị Lê Thị T3 và anh Nguyễn Văn T4 xây dựng căn nhà tạm trên đất tranh chấp để ở, đến năm 2014 Nhà nước có chủ trương cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông U cho rằng con mương và lối đi vào nhà ông U thuộc quyền sử dụng đất của ông U nên đã phát sinh tranh chấp.

Nay anh T yêu cầu ông U cùng các thành viên trong hộ của ông U gồm bà Võ Thị B, anh Nguyễn Thanh T1, anh Nguyễn Minh C, chị Trần Thị M, chị Phạm Thị D cùng anh Nguyễn Văn T2, chị Lê Thị T3 và anh Nguyễn Văn T4 phải di dời tài sản để trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 657,3m^2 thuộc một phần của thửa 5b, 5a tờ bản đồ số 3a do hộ anh Bùi Thành T đứng tên quyền sử dụng.

Ông Nguyễn Văn U đồng thời ông U là người đại diện ủy quyền của các thành viên trong hộ trình bày:

Thực tế ông đang đứng tên và sử dụng các thửa đất số 6b, tờ bản đồ 3a, diện tích 450m^2; thửa số 7, tờ bản đồ số 04, diện tích 800m^2; thửa số 8, tờ bản đồ số 04, diện tích 1200m^2; thửa đất số 6, tờ bản đồ số 04, diện tích 900m^2; thửa số 548, tờ bản đồ số 04, diện tích 500m^2 như anh Bùi Thành T trình bày và các thửa đất này có 02 cạnh đang tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với anh T.

Nguồn gốc các thửa đất số 6b, 6, 7, 8 và thửa 548 là của ông bà để lại cho cha ông U là Nguyễn Văn K sử dụng từ trước năm 1975. Đến năm 1983 ông K chết thì ông U được thừa hưởng phần đất này. Ngày 27/11/1992 ông U được Ủy ban nhân Huyện cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích là 15.055m^2, trong đó có các thửa đất 6b, 6, 7, 8 và thửa 548 đang tranh chấp. Đến ngày 12/3/2003, hộ ông U được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích là

15.055m^2, trong đó có các thửa đất 6b, 6, 7, 8 và thửa 548 đang tranh chấp, lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 27/11/1992 bị rách. Về phần đất tranh chấp, ông U khẳng định không có việc ông U xin phép cha anh T đặt ống bọng dẫn nước như lời anh T trình bày. Vì thực tế con mương đang tranh chấp đã có từ xa xưa, đây là con mương chung và gia đình ông U với gia đình anh T đã cùng sử dụng con mương chung này từ bao đời nay, cha ông U và ông nội của anh T đều thống nhất lấy giữa mương là ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên gia đình chứ không phải con mương của riêng gia đình anh T. Vào năm 2010 ông U có cho phép gia đình anh Nguyễn Văn T2, chị Lê Thị T3 và anh Nguyễn Văn T4 xây dựng căn nhà tạm có trên đất tranh chấp. Việc anh T cho rằng ông U lấn chiếm đất là hoàn toàn không đúng vì ông U chỉ sử dụng đất của hộ ông U được cấp quyền sử dụng và tôn trọng ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình anh Trung và ông U nên ông U không đồng ý giao trả phần đất tranh chấp có diện tích 657,3m^2 theo yêu cầu của anh T.

Nguyễn Văn T2, chị Lê Thị T3 và anh Nguyễn Văn T4 theo án sơ thẩm trình bày: Anh T2, chị T3 là vợ chồng và anh T4 là con chung của anh T2, chị T3. Vào năm 2010 ông U là cậu ruột của anh T2 có đồng ý cho vợ chồng anh T2, chị T3 cất căn nhà khung gỗ tạp, vách lá, lợp toll thiếc, sàn nhà gỗ tạp có chiều ngang 3m dài 7m trên phần đất anh T và ông U đang tranh chấp hiện nay. Khi vợ chồng anh T2, chị T3 xây dựng nhà thì anh T không ngăn cản hay tranh chấp. Anh T2, chị T3 và anh T4 thống nhất giá trị căn nhà vợ chồng anh T2, chị T3 có trên đất tranh chấp là 5.000.000đ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh T thì anh T2, chị T3 và anh T4 tự nguyện di dời nhà mà không yêu cầu hỗ trợ di dời nhà hay bồi thường giá trị căn nhà. Trường hợp là đất của ông U thì xin được giữ nguyên hiện trạng nhà.

Bản án sơ thẩm số 56/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 và Quyết định số 05/2017/QĐ-SCBSBA ngày 07/11/2017 về sửa chữa bổ sung bản án của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bùi Thành T về việc tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất đối với bị đơn Nguyễn Văn U.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 5b, 5a do hộ anh Bùi Thành T đứng tên quyền sử dụng với thửa 6b, 6, 7, 8 và thửa 548 do hộ ông Nguyễn Văn U đứng tên quyền sử dụng là:

- Mốc M1: Cách góc nhà của anh Bùi Thành T một cạnh dài 13,53m và một cạnh dài 9,53m.

- Mốc M10: Cách góc nhà của anh Bùi Thành T một cạnh dài 7,86m và một cạnh dài 16,3m.

- Mốc M9: Cách góc nhà ông Nguyễn Văn U là 22,17m và cách góc trụ đá ranh giữa đất ông Nguyễn Văn U và đất ông Nguyễn Văn H là 12,27m.

- Mốc M8: Là trụ đá, cách góc nhà ông Nguyễn Văn U là 34,87m.

- Mốc M7: Là trụ đá, cách mốc M6 là 3,21m.

Nối mốc M1 đến M10 đến M9 đến M8 đến M7 thành các đường thẳng có chiều dài 132,24m sẽ là ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa đất 5b, 5a với thửa đất 6b, 6, 7, 8 và thửa 548 (có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/5/2016 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 01/7/2017 kèm theo).

Ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định, người sử dụng đất được sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới của thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật. Các tài sản có trên ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định phải được di dời.

Các đương sự được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký điều chỉnh diện tích đất như kết quả đo đạc thực tế và được xác định ranh đất.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 2.929.000đ (hai triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.352.000đ (một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 037203 ngày 12/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Anh T còn phải nộp thêm 1.577.000đ (một triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc số tiền 7.569.000đ (bảy triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng) anh Nguyễn Thành T phải nộp (anh T đã nộp xong).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/10/2017 nguyên đơn Bùi Thành T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu ông Út cùng các thành viên trong hộ ông U gồm bà Võ Thị B, ông Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Minh C, Trần Thị M, Phạm Thị D cùng ông Nguyễn Văn T2, Lê Thị T3, Nguyễn Văn T4 di dời tài sản để trả lại cho anh T phần đất lấn chiếm có diện tích là 657,3m^2 thuộc một phần của thửa 5b, tờ bản đồ số 3a do hộ anh Bùi Thành T đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Hưng Mỹ Tây, xã Long Hưng A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo yêu cầu ông U trả lại cho anh phần đất ½ mương và lối đi, xác định ranh theo các mốc M2, M3, M4, M5 và M6 theo sơ đồ thẩm định, đo đạc.

Ông U giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, yêu cầu phúc thẩm xử y như án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ cho anh T đề cập là con mương tranh chấp có nhiều người làm chứng xác định do ông nội anh T đào, diện tích đất anh T thiếu, đất ông U thừa so với giấy được cấp, anh Trung khẳng định đất của anh liền ranh đất anh H, lối đi của ông U ở giữa là do bên anh T cho đi nhờ nên đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, chấp nhận xác định ranh ở các mốc theo yêu cầu của anh T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ranh đất tranh chấp giữa anh T với ông U là ranh chiều dài hướng Đông Bắc nối liền ranh chiều ngang hướng Đông Nam đất của anh T thửa số 5a+5b giáp đất ông U thửa 6a+6b+8+9+7+6+548 và 2 thửa nối dài phía sau là số 14 và 18. Phạm vi tranh chấp được xác định là 657,3m^2, theo hiện trạng của nửa(1/2 chiều rộng) con mương bên phần giáp đất ông U và 1 phần là đất liền(rộng giáp lộ 03m) cặp theo mương chiều dọc ông U làm lối đi. Toàn bộ con mương hiện trạng hiện nay hai bên vẫn còn sử dụng chung.

[2]. Nguồn gốc và diễn biến sử dụng thể hiện, con mương này anh T nói là do ông Đ là ông nội đào trước năm 1975 lấy nước từ ngoài sông vào để làm vườn, người làm chứng bên anh T cũng chỉ nói theo lời anh T là ông nội anh T đào, nhưng không xác định rõ được thời gian và cụ thể đào như thế nào. Ông U thì cho rằng con mương đã có sẵn từ xa xưa, không biết ai đào, nhưng ông bà của hai bên U, T cùng sử dụng chung, cha ông U sử dụng từ trước năm 1975, sau cha chết ông U tiếp tục sử dụng chung đến nay. Như vậy, anh T thật sự không chứng minh được ông nội anh đào, đào riêng hay đào chung, nhưng thực tế sử dụng thì cả anh T, những người làm chứng cho anh T cũng đều thừa nhận bên ông bà ông U có sử dụng nước chung mương này và đến năm 2000 khi nhà nước múc kinh làm lộ thì anh T kêu ông U đặt lại bộng dời qua phần nửa mương bên ông U, đặt thông qua ngang lộ dẫn nước vào mương sử dụng chung đến nay.

[3]. Về mặt chứng cứ thì anh T chỉ đưa ra lý lẽ con mương là của ông nội đào, do được nghe nói lại; diện tích 2 thửa đất anh Trung đang thiếu, của ông U thừa so giấy được cấp, tình tiết này thì có văn bản UBND huyện Lấp Vò trả lời là do cấp giấy theo đương sự tự khai, không đo đạc thực tế và dựa vào bản đồ trước đây đo đạc bằng thủ công không chính xác về diện tích; Đất anh H liền kề đường đi và mương tranh chấp hiện nay trước kia là của người khác bán cho cha anh T mua sử dụng thời gian rồi chuyển lại cho D, D tách chuyển cho H, cho nên đất anh T là giáp ranh anh H chứ không có đất ông U, ông U chỉ sử dụng chung mương nước của anh T thôi, tình tiết này thì phúc thẩm đã thu thập hồ sơ quản lý nhà nước về đất đai chứng minh thửa đất anh D nhận chuyển từ ông H(cha anh T), anh H nhận tách chuyển từ anh D đều có biên bản xác định ranh, ghi rõ là giáp ông U, chứ không phải anh T và theo bản đồ địa chính 299 thì giữa đất anh T đến đất anh H là thửa 6b của ông U(mương tranh chấp không thể hiện trên bản đồ). Đặc biệt, tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Liên T người làm chứng cho anh T do anh T mời là chủ đất củ bán cho cha anh T, bà xác định đất bà bán là giáp đến mương, rồi đến đường đi ông U, mới đến đất anh T, anh T cũng xác định đất cha H mua(thửa số 7b) chuyển lại cho D, D tách chuyển cho H là có mương chỗ giáp đường đi ông U, nay H đã lấp mương này rồi, như vậy cho thấy rõ ràng là từ xưa đất cha anh T mua không liền kề đất cha anh T mà là có khoảng cách đất ông U, tình tiết này phù hợp với bản đồ địa chính thể hiện. Và trên thực tế thì bên gia đình ông U đã sử dụng con mương chung này rất lâu đời, cũng là lấy nước làm vườn như bên anh T, ông U là kế thừa việc sử dụng của ông bà và cha ông để lại ổn định lâu dài không có tranh chấp và quá trình sử dụng nhiều năm của ông từ việc đặt bộng chung giữa mương đến việc anh T kêu ông đặt bộng khác về phần nửa mương bên ông và theo vị trí nửa mương cộng đất lối đi cập bờ mương đang tranh chấp này thuộc quyền sử dụng của ông U là có căn cứ phù hợp.

[4]. Ý kiến của luật sư bảo vệ cho anh T đề cập các tình tiết về nguồn gốc con mương diện tích đất anh T thiếu, đất anh T liền ranh đất anh H, lối đi ông U ở giữa là sử dụng nhờ của anh T, nhưng nêu ra chỉ bằng lý lẽ, không có chứng cứ chứng minh xác thực, nên không có cơ sở chấp nhận đề nghị của luật sư.

[5]. Ý kiến của Kiểm sát viên nhận định và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của anh T là có căn cứ.

[6]. Từ những lý lẽ trình bày và chứng cứ của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định nêu trên cho thấy anh T xác định toàn bộ con mương là của anh T là không có cơ sở, vì vậy anh T kháng cáo yêu cầu ông U phải trả lại cho anh đất ½ con mương và lối đi cập bờ mương, xác lập ranh theo các mốc M2, M3, M4, M5 và M6 trên sơ đồ đo đạc hiện trạng là không có căn cứ. Án sơ thẩm xử xác lập ranh theo mốc M1, M10, M9, M8 và M7, theo đó giữ nguyên ½ con

mương và lối đi như hiện trạng cho ông U sử dụng là phù hợp. Vậy nên không chấp nhận kháng cáo của anh T, phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7]. Do không chấp nhận kháng cáo nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[8]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9]. Do bản án sơ thẩm tuyên dài dòng, khó hiểu, nên cấp phúc thẩm cần thiết sửa lại cách tuyên án cho cụ thể và chính xác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, 170 Luật Đất đai 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Thành T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2017/DS-ST ngày 28/9/2017(đã có sửa chữa, bổ sung), của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận theo yêu cầu xác lập ranh giới quyền sử dụng đất của anh Bùi Thành T đối với ông Nguyễn Văn U.

3. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa các thửa đất số 5a, 5b của hộ anh T với các thửa đất số 6a, 6b, 8, 9, 7, 6, 548, 14 và 18 của hộ ông U được xác lập theo các mốc số M1-M10-M9-M8 đến M7 thể hiện trên Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp giữa ông T và ông U (TĐ 10-2018) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò xác lập ngày 21/3/2018. Nối các đoạn thẳng từ M1 đến M10, M10 đến M9, M9 đến M8 và M8 đến M7 là đường ranh.

4. Các bên đương sự là anh T và ông U cùng các thành viên trong gia đình mỗi bên có quyền sử dụng đất chung cùng có nghĩa vụ tự di dời cây trồng, vật kiến trúc của mình vướng vào đường ranh(nếu có), cùng tôn trọng, sử dụng đường ranh đã xác định trên theo chiều thẳng đứng từ mặt đất lên không gian và xuống lòng đất theo quy định của pháp luật và được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự: Anh Bùi Thành T phải nộp 2.929.000đ tiền án phí sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.352.000đ ngày 12/01/2016, theo biên lai số 037203 và 300.000đ nộp ngày 11/10/2017 theo biên lai số 01951 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Lấp Vò, anh T còn phải nộp thêm số tiền là 1.577.000đ (một triệu, năm trăm, bảy mươi bảy ngàn đồng).

6. Về chi phí tố tụng khác: Anh T phải chịu các khoản chi phí về Thẩm định tại chổ, đo đạc tổng số tiền là 7.569.000đ (anh T đã nộp tạm ứng, chi xong không phải nộp thêm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương